

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Địa chỉ: G4A, khu phố 4, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3823187 – Fax: 0521.3819043

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

(từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018)

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

NĂM BÁO CÁO 2018

(từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600512830**
- Vốn điều lệ: **1.021.106.210.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.021.106.210.000 đồng
- Địa chỉ: G4A, khu phố 4, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 0251.3823187 Số fax: 0251.3829043
- Website: www.tienlengroup.com.vn
- Mã cổ phiếu: **TLH**

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 18/08/2009 Công ty TNHH Tiến Lên thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến lên với mức vốn thực góp là 449.530.000.000 VNĐ.
 - + Ngày 05/10/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 9.047.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên công ty và một số cổ đông chiến lược bên ngoài tăng vốn Điều lệ lên 540.000.000.000 VNĐ. Từ thời điểm này, Thép Tiến Lên chính thức trở thành công ty đại chúng và đã đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
 - + Ngày 09/09/2010, Công ty phát hành 3.706.814 cổ phiếu, tỷ lệ 6,86% để tăng vốn điều lệ lên 577.068.140.000 đồng.
 - + Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 4.674.719 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 8,10 % để tăng vốn điều lệ lên 623.815.330.000 đồng.
 - + Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 18.304.155 cổ phiếu để hoán đổi lấy 15.040.283 cổ phiếu của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến vào Công ty cổ phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên, tỷ lệ 29,34% để tăng vốn điều lệ lên 806.856.880.000 đồng.
 - + Ngày 17/02/2016, Công ty phát hành 3.959.876 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% để tăng vốn điều lệ lên 846.455.640.000 đồng.

- + Ngày 14/07/2017, Công ty phát hành 8.316.749 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 929.623.130.000 đồng.
- + Ngày 13/07/2018, Công ty phát hành thêm 9.148.308 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 1.021.106.210.000 đồng.
- Các sự kiện khác: không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
 - Sản xuất và kinh doanh sắt thép (không sản xuất tại trụ sở)
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
 - + Các tỉnh miền Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình, Phủ Lý, Thanh Hoá)
 - + Các tỉnh miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Định)
 - + Các tỉnh miền Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước)
 - + Các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Vĩnh Long, Long An)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc).
- Cơ cấu bộ máy quản lý.
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc);
 - + Kế toán trưởng;
 - + Các đơn vị, bộ phận chuyên môn.
- Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, cụ thể bao gồm:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
4. Ông Dương Quang Bình	Thành viên
5. Ông Đặng Tuấn Đại	Thành viên độc lập

- Ban kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, cụ thể bao gồm:

1. Bà Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban kiểm soát
2. Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên

- Ban điều hành công ty bao gồm:

1. Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng giám đốc
3. Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng giám đốc
4. Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

- Các Phòng ban/bộ phận chuyên môn của Công ty:
 1. Phòng kế toán
 2. Phòng kinh doanh
 3. Phòng nhân sự
 4. Phòng đầu tư
 5. Hệ thống các chi nhánh, cửa hàng ...

- ✓ Các công ty con, công ty liên kết:
 1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc
 - Địa chỉ: Lô 08, đường Song Hành, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
 - Vốn điều lệ thực góp: 120.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 95,83%

 2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên
 - Địa chỉ: Lô 12-14, đường số 1, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
 - Vốn điều lệ thực góp: 161.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 97,35%

 3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến
 - Địa chỉ: Lô 3-9A, Cụm TTCN Hai Bà Trưng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
 - Vốn điều lệ thực góp: 214.400.300.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 100%

4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
 - Vốn điều lệ thực góp: 360.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty: 48%
- ✓ Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:
 1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên
 - Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
 - Vốn điều lệ thực góp: 80.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 100%
 2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng
 - Địa chỉ: Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép
 - Vốn điều lệ thực góp: 37.500.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty: 72%

4. Định hướng phát triển

✓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018:

1. Tập trung cải tiến năng lực quản lý;
2. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng;
3. Đầu tư và phát triển hệ thống;
4. Áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị công ty;
5. Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính.

✓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

1. Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường (khách hàng, người lao động, cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để công ty phát triển;
2. Cải cách đổi mới của từng bộ phận, từng lĩnh vực, tiếp tục bổ sung nhân sự tại các vị trí còn thiếu. Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các đơn vị thành viên được chủ động trong hoạt động kinh doanh;
3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT) trong sản xuất và trong quản lý, xem CNTT là nền tảng của công thức phát triển mới;
4. Tập trung phát triển mảng công nghệ điện tử để tận dụng yếu tố công nghệ;
5. Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào trong đó có việc xúc

tiến và triển khai ký kết các hợp đồng đại lý cấp 1 với các nhà sản xuất trong nước như Posco SS, Formosa, Hòa Phát để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.

✓ **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

1. Hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định sản xuất;
2. Củng cố lại quy chế tài chính: vấn đề tỷ giá, vấn đề về thuế ngành thép, đề ra giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng thời kỳ. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác về hoạt động sản xuất kinh doanh trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư;
3. Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa đa dạng nhiều mặt hàng đến tận từng khách hàng;
4. Với vai trò là Công ty mẹ, Công ty cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên đóng vai trò điều phối hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và năng lực quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

5. Các rủi ro:

1. Rủi ro về tỷ giá;
2. Rủi ro về chính sách thuế đối với ngành thép của Nhà Nước;
3. Rủi ro về thiên tai, bất khả kháng ...

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- ✓ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018		
Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	5,953,054,309,225
Các khoản giảm trừ doanh thu	VND	600,348,499
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	5,952,453,960,726
Giá vốn hàng bán	VND	5,572,371,039,205
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	380,082,921,521
Doanh thu hoạt động tài chính	VND	38,017,671,745
Chi phí tài chính	VND	100,975,703,623
Trong đó: <i>Chi phí lãi vay</i>	VND	92,843,022,353
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VND	(19,075,416,912)
Chi phí bán hàng	VND	64,311,078,529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	118,012,843,582
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	VND	115,725,550,620
Thu nhập khác	VND	2,483,170,010
Chi phí khác	VND	2,909,051,884
Lợi nhuận khác	VND	(425,881,874)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	VND	115,299,668,746
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VND	29,730,009,254
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VND	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	85,569,659,492
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	VND	84,857,838,949
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VND	711,820,543
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	843

- + Trong năm 2018, CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên đạt kết quả doanh thu 5.952 tỷ và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 85,5 tỷ đồng;
- + Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV tập đoàn đã cố gắng thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm và đóng góp tích cực của mình trong năm 2018 vừa qua;
- + Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tiếp tục định hướng những chính sách tích cực vào các kế hoạch kinh doanh sắp tới, các quyết sách mới trong năm 2019 để đạt kết quả kinh doanh tốt hơn nữa mang lại sự phát triển, tăng trưởng bền vững cho Công ty.

✓ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH						
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %	KH 2018	% Kế hoạch
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	4,971,551,561,146	5,952,453,960,726	19.7%	4,725,000,000,000	26.0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	346,677,701,873	85,569,659,492	-75.3%	278,600,000,000	-69.3%

- Trong năm 2018 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt trên 5.952 tỷ đồng, tăng 19.7% so với năm 2017 và tăng 26.0% so với kế hoạch đề ra;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 đạt hơn 85,5 tỷ đồng, giảm 75.3% so với năm 2017 và giảm 69.3% so với kế hoạch đề ra;

Đánh giá: Năm 2018, Công ty cổ phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên đã đạt được doanh thu ấn tượng là 5.952 tỷ đồng, tăng 19.7% so với doanh thu năm 2017 và vượt doanh thu theo kế hoạch là 26%, tuy nhiên do giá thép cuối năm biến động theo chiều hướng giảm chính vì thế Công ty phải dành khoản vốn lớn để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2018 chỉ đạt 85,5 tỷ đồng giảm lần lượt 75.3% so với cùng kỳ và giảm 69.3% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra trong năm vừa qua.

2. Tổ chức và nhân sự.

- *Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.*

1. Bà Phạm Thị Hồng	Năm sinh: 1968	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác và tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1993 - 2001	DNTN Thép Tiến Lên	Quản lý
2002 - 10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Giám đốc
10/2009 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Tổng Giám đốc
Tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		11.36%

2. Ông Nguyễn Văn Quang	Năm sinh: 1961	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác và tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1993 - 2001	DNTN Thép Tiến Lên	Tưởng phòng kinh doanh
2002 - 10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Phó Giám đốc
10/2009 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		9.46%

3. Ông Dương Quang Bình	Năm sinh: 1964	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật	
Quá trình công tác và tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2/1987 - 4/1990	Công ty Cung ứng dịch vụ Vĩnh An	Kế toán trưởng
5/1990 - 3/1995	Công ty Cung ứng dịch vụ Vĩnh An	Phó phòng kế toán
4/1995 - 4/1999	Trạm kinh doanh thương mại tổng hợp	Kế toán trưởng
	Công ty Thương Mại Dịch Vụ Biên Hòa	Phó phòng kế toán
	Công ty Thương Mại Dịch Vụ Biên Hòa	Phó phòng kế hoạch và đầu tư
	Trung tâm kinh doanh XNK hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty TM DV Biên Hòa	Giám đốc trung tâm
5/1999 - 2002	DNTN Tiến Lên	Kế toán trưởng
10/2002 - 2003	Công ty TNHH Tiến Lên	Kế toán trưởng
1/2003 - 2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Phó Giám đốc
1/2010 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		0.03%

4. Bà Đào Thị Kim Loan	Năm sinh: 1977	Chức vụ: Kế toán trưởng
Văn Hóa: 12/12	Chuyên môn: Kế toán tài chính	
Quá trình công tác và tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2002 - 2007	Công ty TNHH Tiên Lên	Kế toán tổng hợp
2007 - 10/2009	Công ty TNHH Tiên Lên	Kế toán trưởng
10/2009 - Hiện tại	CTCP Tập Đoàn Thép Tiên Lên	Kế toán trưởng
Tỷ lệ cổ phần TLH sở hữu		0.07%

- Những thay đổi trong ban điều hành: *không có*.
- Số lượng cán bộ, nhân viên:
 - **Số lượng CBCNV Tập Đoàn tính tới ngày 31/12/2018 là trên: 300 người.**

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn trong năm: *không có*.
- b) Các công ty con, công ty liên kết:

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI PHÚC		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018
Doanh thu thuần	VND	2,262,533,753,690
Lợi nhuận gộp	VND	93,574,557,464
Lợi nhuận trước thuế	VND	29,010,032,812
Lợi nhuận sau thuế	VND	19,943,375,486

2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH THÉP TÂY NGUYÊN		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018
Doanh thu thuần	VND	1,756,609,038,886
Lợi nhuận gộp	VND	69,951,798,323
Lợi nhuận trước thuế	VND	8,540,673,087
Lợi nhuận sau thuế	VND	5,244,648,353

3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH MTV THÉP PHÚC TIẾN		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018
Doanh thu thuần	VND	1,341,110,098,449
Lợi nhuận gộp	VND	40,855,316,876
Lợi nhuận trước thuế	VND	62,407,064,667
Lợi nhuận sau thuế	VND	58,773,760,751

4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC NAM		
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018
Doanh thu thuần	VND	1,986,307,642,882
Lợi nhuận gộp	VND	53,233,638,419
Lợi nhuận trước thuế	VND	20,352,578,493
Lợi nhuận sau thuế	VND	16,008,176,200

- *Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:***1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN HƯNG YÊN		
Chi tiêu	Đơn vị	2018
Doanh thu thuần	VND	1,019,663,729,098
Lợi nhuận gộp	VND	30,266,626,473
Lợi nhuận trước thuế	VND	12,865,152,987
Lợi nhuận sau thuế	VND	10,223,200,990

2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
CÔNG TY TNHH PHÚC TIẾN HẢI PHÒNG		
Chi tiêu	Đơn vị	2018
Doanh thu thuần	VND	646,596,761,548
Lợi nhuận gộp	VND	5,135,578,930
Lợi nhuận trước thuế	VND	(995,805,890)
Lợi nhuận sau thuế	VND	(1,022,082,474)

4. Tình hình tài chính*a) Tình hình tài chính*

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
Chi tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %
Tổng giá trị tài sản	VND	2,891,989,176,087	2,846,584,245,783	-1.6%
Doanh thu thuần	VND	4,971,551,561,146	5,952,453,960,726	19.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	VND	438,340,146,155	115,725,550,620	-73.6%
Lợi nhuận khác	VND	(2,240,507,717)	(425,881,874)	-81.0%
Lợi nhuận trước thuế	VND	436,099,638,438	115,299,668,746	-73.6%
Lợi nhuận sau thuế	VND	346,677,701,873	85,569,659,492	-75.3%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND	3,385	843	

- Tổng giá trị tài sản năm 2018 đạt 2.846 tỷ đồng, giảm 1.6% so với năm 2017;
- Doanh thu thuần tăng 19.7% so với năm 2017, doanh thu thuần tăng mạnh do nhu cầu thị trường tăng mạnh trong năm và các sản phẩm chủ lực của công ty càng ngày được nhiều khách hàng quan tâm và biết tới hơn;
- Do giá vốn hàng bán tăng cao, cộng với giá thép có chiều hướng giảm vào cuối năm dẫn tới Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 giảm mạnh 73.6% so với năm 2017. Điều này ảnh hưởng tới Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2018 lần lượt giảm tương ứng là 73.6% và 75.3% so với năm 2017.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 của TLH đạt mức 843 đồng/cổ phiếu.
- Các chỉ tiêu khác: không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU		
Chỉ tiêu	2017	2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1.71	1.81
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) ----- Nợ ngắn hạn	0.59	0.58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.46	0.43
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.84	0.77
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán ----- Hàng tồn kho bình quân	2.96	3.66
Doanh thu thuần ----- Tổng tài sản	1.72	2.09
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0.07	0.01
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	0.22	0.05
Hệ số LNST/Tổng tài sản	0.12	0.03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.09	0.02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ : 1.021.106.210.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 102.110.621 cổ phần (*)
- + Cổ phiếu đang lưu hành : 100.650.621 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ : 1.460.000 cổ phần

(*): Tất cả số cổ phần này đều là cổ phần tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên	41.254.427	40,40%	3	-	3
	- Trong nước	41.254.427	40,40%	3	-	3
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.460.000	1,43%	1	1	-
6	Cổ đông khác	59.396.194	58,17%	5.535	73	5.462
	- Trong nước	53.989.133	52,87%	5.485	57	5.428
	- Nước ngoài	5.407.061	5,30%	50	16	34
	TỔNG CỘNG	102.110.621	100,00%	5.539	74	5.465
	Trong đó: - Trong nước	96.703.560	94,70%	5.489	58	5.431
	- Nước ngoài	5.407.061	5,30%	50	16	34

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên chỉ có 1 đợt tăng vốn như sau:

I. Cổ phiếu dự kiến phát hành

1. Tên cổ phiếu phát hành: cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên
2. Vốn điều lệ: 929.623.130.000 đồng
3. Số lượng cổ phiếu lưu hành (trước thời điểm phát hành): 91.502.313 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu quỹ (trước thời điểm phát hành): 1.460.000 cổ phiếu
5. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
6. Mã chứng khoán: TLH
7. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 9.150.231 cổ phiếu
9. Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 10%.
10. Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 29/6/2018
11. Ngày giao dịch không hưởng quyền: 28/6/2018
12. Ngày dự kiến giao dịch cổ phiếu phát hành: theo Thông báo chấp thuận niêm yết bổ sung từ Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 9.148.308 cổ phiếu
2. Số cổ đông được phân phối: 5.539 cổ đông
3. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: số cổ phiếu mới nhận được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.
4. Tổng số cổ phiếu hiện tại là: 102.110.621 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 100.650.621 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.460.000 cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- + Trong năm 2018, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ;
- + Cổ phiếu quỹ hiện tại là: **1.460.000** cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH							
Chi tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %	KH 2018	% Kế hoạch	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	4,971,551,561,146	5,952,453,960,726	19.7%	4,725,000,000,000	26.0%	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	346,677,701,873	85,569,659,492	-75.3%	278,600,000,000	-69.3%	

+ Kết thúc năm 2018, Doanh thu thuần của trong năm đạt 5.952 tỷ đồng, tăng trưởng 19.7% so với doanh thu năm 2017 và vượt 26.0% so với kế hoạch doanh thu đề ra. Tuy nhiên, do giá thép thế giới giảm vào cuối năm và đây là cơ hội để Ban Giám đốc đề ra chiến lược là tập trung nhập hàng nhằm nâng lượng hàng tồn kho lên, tập trung cho việc bán hàng vào đầu năm sau khi giá thép ổn định tăng trở lại điều này dẫn tới mức lợi nhuận sau thuế trong năm 2018 chỉ đạt 85,5 tỷ đồng và chỉ hoàn thành 31.7% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2018 đã đề ra.

+ Dựa vào kết quả kinh doanh trong năm 2018 chưa được như mong muốn do nhiều yếu tố khách quan như: Biến động giá thép thế giới khó lường cùng với đó biến động tỷ giá cũng là nguyên nhân dẫn tới kết quả kinh doanh năm 2018 chưa được như kỳ vọng;

+ Theo đó, Công ty đã đề ra các chiến lược phát triển và tăng trưởng bền vững, nhằm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định theo định hướng chiến lược mới của Công ty;

+ Toàn thể ban Tổng giám đốc, CBCNV đã nỗ lực, phấn đấu rất nhiều trong năm 2018 và cũng mong muốn trong năm 2019 này Công ty sẽ cố gắng cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh, bám sát hơn nữa trong các khâu quản lý, đào tạo, tái thiết bộ máy toàn diện nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong thời gian tới.

+ Kết quả thực tế trong năm 2018 là một trải nghiệm hữu ích nhằm tạo thêm sức mạnh cho toàn hệ thống đi vào giai đoạn phát triển mới trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh				
Chi phí giá vốn hàng bán	VND	4,372,611,938,603	5,572,371,039,205	27.4%
Chi phí bán hàng	VND	61,290,192,032	64,311,078,529	4.9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	54,266,606,386	118,012,843,582	117.5%
Chi phí tài chính	VND	77,742,895,646	100,975,703,623	29.9%
Chi phí lãi vay	VND	79,688,538,669	92,843,022,353	16.5%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	4,971,551,561,146	5,952,453,960,726	19.7%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	598,939,622,543	380,082,921,521	-36.5%
Doanh thu hoạt động tài chính	VND	8,002,552,143	38,017,671,745	375.1%
Lợi nhuận trước thuế	VND	436,099,638,438	115,299,668,746	-73.6%
Lợi nhuận sau thuế	VND	346,677,701,873	85,569,659,492	-75.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	12.0%	6.4%	
Tỷ suất LNTT/Doanh thu thuần	%	8.8%	1.9%	
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	7.0%	1.4%	
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản - ROA	%	12.0%	3.0%	
Tỷ suất LNST/VCSH - ROE	%	22.1%	5.3%	

- + Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 tăng 19.7% so với năm 2017, tuy nhiên chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính cùng tăng mạnh dẫn tới Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 36.5% so với cùng kỳ;
- + Lợi nhuận trước đạt 115,3 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 85,5 tỷ đồng giảm so với cùng kỳ năm ngoái, lý do bắt đầu từ quý 4 năm 2018 giá thép thế giới có chiều hướng giảm dẫn tới giá thép trong nước giảm, tuy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng mạnh nhưng giá vốn hàng bán cũng tăng mạnh cùng với đó các chi phí quản lý, chi phí tài chính tăng dẫn tới lợi nhuận chưa đạt được như kỳ vọng so với kế hoạch đã đề ra.

2. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài sản:**

TÌNH HÌNH TÀI SẢN				
Chi tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	VND	2,257,958,164,556	2,233,854,634,234	-1.1%
Tiền mặt	VND	160,182,246,769	88,540,924,481	-44.7%
Các khoản phải thu	VND	613,081,098,521	594,280,188,747	-3.1%
Hàng tồn kho	VND	1,477,033,698,466	1,520,720,052,117	3.0%
Tài sản dài hạn	VND	634,031,011,531	612,729,611,549	-3.4%
Tổng tài sản	VND	2,891,989,176,087	2,846,584,245,783	-1.6%

- + Tài sản ngắn hạn đạt mức 2.233 tỷ đồng, giảm 1.1% so với năm 2017;
- + Hàng tồn kho đạt mức 1.521 tỷ đồng, tăng 3.0% so với năm 2017;
- + Tổng tài sản đạt mức 2.846 tỷ, giảm 1.6% so với năm 2017.

Nhìn chung tình hình tài sản tại ngày 31/12/2018 của Công ty không biến động nhiều so với đầu kỳ.

b) Tình hình nợ phải trả:

NỢ PHẢI TRẢ				
Chi tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %
Nợ ngắn hạn	VND	1,320,683,069,094	1,236,402,547,798	-6.4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	VND	953,006,773,130	1,010,512,734,264	6.0%
Phải trả người bán	VND	313,947,955,378	188,972,446,703	-39.8%
Nợ dài hạn	VND	149,000,000	1,146,088,000	669.2%
Tổng nợ phải trả	VND	1,320,832,069,094	1,237,548,635,798	-6.3%
Tổng vốn chủ sở hữu	VND	1,571,157,106,993	1,609,035,609,985	2.4%
Tổng Nợ phải trả/Tổng Vốn CSH	%	84.07%	76.91%	

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- + Nợ ngắn hạn giảm 6.4% so với đầu kỳ;
- + Tổng nợ phải trả giảm 6.3% so với đầu kỳ;
- + Tổng vốn chủ sở hữu tăng 2.4% so với đầu kỳ;
- + Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu dưới 1.0, chứng tỏ mức độ Nợ của Công ty được kiểm soát chặt chẽ và an toàn, điều này đem đến sự linh hoạt và chủ động cho vấn đề luân chuyển nguồn vốn.

CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi tiêu	Đơn vị	2017	2018	Tăng/giảm %
Chi phí tài chính	VND	77,742,895,646	100,975,703,623	29.9%
- Chi phí lãi vay	VND	79,688,538,669	92,843,022,353	16.5%

- Chi phí tài chính trong năm 2018 là 100,1 tỷ đồng, tăng 29.9% so với năm 2017;
- Trong đó, chi phí lãi vay năm 2018 là 92,8 tỷ đồng tăng 16.5% so với năm 2017.

Việc tăng chi phí tài chính do biến động tỷ giá và lãi suất vay cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được như mong muốn.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần).**

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

- Tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các kế hoạch quan trọng chủ chốt khác của công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- Tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế thừa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.**

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện Quyết định Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty với thành tích đạt được khả quan;
- Ban Tổng Giám đốc đã có các chỉ đạo linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn thị trường, thận trọng hơn trong các quyết định mua bán và luôn giữ lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý;
- Ban Tổng Giám đốc cũng đề ra các giải pháp phù hợp để khắc phục các nhược điểm và triển khai thực hiện nghiêm túc các Quyết định của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị trong năm 2018 vừa qua;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban Tổng Giám đốc (ban điều hành) Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển bền vững trong những năm tiếp theo;
- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Tổng giám đốc đã điều hành công ty đạt kết quả kinh doanh tốt và ổn định trong những năm vừa qua;
- Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng luôn theo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Tổng Giám đốc, ban kiểm soát trong công tác quản trị, định hướng và thống nhất chủ trương, giải pháp điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn, trong từng thời kỳ để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất trong thời gian tới;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị.

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT):
- Tên, chức vụ, số lượng sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại tổ chức niêm yết:
 - + Ông Nguyễn Mạnh Hà, chủ tịch HĐQT, tỷ lệ sở hữu TLH: 19,58%
 - + Bà Phạm Thị Hồng, TV HĐQT kiêm TGD, tỷ lệ sở hữu TLH: 11,36%
 - + Ông Nguyễn Văn Quang, TV HĐQT kiêm phó TGD, tỷ lệ sở hữu TLH: 9,46%
 - + Ông Dương Quang Bình, TV HĐQT kiêm phó TGD, tỷ lệ sở hữu TLH: 0,03%
 - + Ông Đặng Tuấn Đại, TV HĐQT độc lập, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.02%
 - Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: *không có*.
- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *không có*.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:
- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và các nội dung trong Quyết định Đại hội đồng cổ đông;
 - Từng tháng, từng quý, Hội đồng quản trị có tổ chức họp định kỳ xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của tháng, của quý và đề ra các giải pháp, mục tiêu, phương hướng cho các công việc thực hiện trong kỳ tới;
 - Các Quyết định Hội đồng quản trị đề ra trong năm 2018 là hợp pháp, đúng với Điều lệ và Quyết định Đại hội đồng cổ đông, có tác dụng định hướng trung và dài hạn, đề ra các giải pháp phù hợp sâu sát với hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Nội dung các cuộc họp hội đồng quản trị mang tính thiết thực, giải quyết kịp thời có hiệu quả các vấn đề phát sinh cấp thiết của Công ty; Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban, đơn vị thành viên; điều hành sản xuất kinh doanh vượt qua khó khăn, thách thức, duy trì hoạt

động của toàn hệ thống;

- Các thành viên hội đồng quản trị tuân thủ đầy đủ Điều lệ, Quy chế quản lý, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện nhiệm vụ một cách chủ động, tích cực và có hiệu quả.

Các hoạt động của Hội đồng quản trị đều thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong năm 2018 và quyền hạn theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên hội đồng quản trị độc lập đóng một vai trò hết sức quan trọng trong các cuộc họp của hội đồng quản trị, trong các cuộc họp giữa hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Luôn theo sát các Quyết định hội đồng quản trị, các kết quả đạt được trong hoạt động giám sát, kiểm tra công tác quản trị và Quyết định Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện trong năm 2018.
- Hiện tại, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Trong năm 2018, Công ty đã cử các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan tham gia các khóa đào tạo về công tác quản trị do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM tổ chức;
- Kế hoạch sắp tới là vẫn tiếp tục cử các thành viên Hội đồng quản trị còn lại tham gia các khóa đào tạo trên khi cần thiết;

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người ủy quyền công bố thông tin và các cá nhân tham dự chương trình quản trị công ty năm 2018, bao gồm:

- Ông Dương Quang Bình - thành viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc;
- Ông Đặng Tuấn Đại - thành viên HĐQT độc lập;
- Bà Đào Thị Kim Loan - kế toán trưởng kiêm người công bố thông tin.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS):

- Tên, chức vụ, số lượng sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại tổ chức niêm yết:
 - + Bà Lê Thị Hồng Liễu, Trưởng BKS, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.02%
 - + Bà Cao Thị Hoài Thu, thành viên BKS, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.02%
 - + Bà Nguyễn Thị Tâm, thành viên BKS, tỷ lệ sở hữu TLH: 0.00%
- Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: *không có*.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tiếp tục duy trì kiểm soát nội bộ, đặt biệt là công tác bán hàng và quản lý công nợ, thắt chặt quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính;
- Tăng cường công tác dự báo về giá thép trên thế giới và trong nước để đưa ra các

- chiến lược và giải pháp kinh doanh phù hợp;
- Xây dựng cơ chế phân quyền và giám sát thực hiện của các đơn vị thành viên, đảm bảo cho các đơn vị thành viên có cơ hội tự chủ phát triển nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống Công ty;
 - Giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có Ban kiểm soát tham dự và giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị công ty năm 2018 là: 2.918.643.678 đồng, trong đó:

- Thu nhập Tổng Giám đốc công ty là: 623.417.000 đồng.
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	18,177,984	19.55%	19,995,782	19.58%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
2	Phạm Thị Hồng	TV HĐQT Tổng Giám đốc	10,548,825	11.35%	11,603,706	11.36%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
3	Nguyễn Văn Quang	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	8,777,218	9.44%	9,654,939	9.46%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
4	Dương Quang Bình	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	26,437	0.03%	29,080	0.03%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
5	Đặng Tuấn Đại	TV HĐQT	19,827	0.02%	21,809	0.02%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
6	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng BKS	19,827	0.02%	21,809	0.02%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
7	Cao Thị Hoài Thu	TV BKS	19,871	0.02%	21,857	0.02%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Tâm	TV BKS	-	0.00%	-	0.00%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
9	Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng Người công bố thông tin	67,889	0.07%	74,676	0.07%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *không có*.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: *không có*.

VI. Báo cáo tài chính.**1. Ý kiến kiểm toán.**

Số: 180319.002 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 14 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam A member of IIB International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Trương Thị Hoài Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2446-2018-002-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.233.854.634.234	2.257.958.164.556
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	88.540.924.481	160.182.246.769
111	1. Tiền		31.074.285.710	81.143.663.130
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.466.638.771	79.038.583.639
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10.157.883.853	5.687.847.979
121	1. Chứng khoán kinh doanh		12.351.081.594	7.760.015.535
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(4.213.197.741)	(2.072.167.556)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.020.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		586.769.588.747	608.734.998.521
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	619.747.969.386	585.982.881.373
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21.031.565.270	23.776.328.562
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.099.719.794	12.466.283.036
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(67.109.665.703)	(13.490.494.450)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.520.720.052.117	1.477.033.698.466
141	1. Hàng tồn kho		1.615.748.922.493	1.499.863.608.722
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(95.028.870.376)	(22.829.910.256)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.666.185.036	6.319.372.821
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		442.925.750	688.477.113
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		24.956.561.359	5.630.895.708
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	2.266.697.927	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		612.729.611.549	634.031.011.531
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.510.600.000	4.346.100.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	7.510.600.000	4.346.100.000
220	II. Tài sản cố định		363.219.518.973	320.156.710.532
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	247.377.946.842	198.301.635.557
222	- Nguyên giá		444.757.981.982	375.438.997.378
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(197.380.035.140)	(177.137.361.821)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	115.841.572.131	121.855.074.975
228	- Nguyên giá		131.160.907.720	131.160.907.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.319.335.589)	(9.305.832.745)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	24.711.716.375	26.005.034.255
231	- Nguyên giá		26.005.034.255	26.005.034.255
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.293.317.880)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	17.090.148.006	64.378.274.440
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.090.148.006	64.378.274.440
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	198.342.116.830	217.417.533.742
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		198.342.116.830	217.417.533.742
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.855.511.365	1.727.358.562
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.855.511.365	1.727.358.562
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.846.584.245.783	2.891.989.176.087

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.237.548.635.798	1.320.832.069.094
310	I. Nợ ngắn hạn		1.236.402.547.798	1.320.683.069.094
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	188.972.446.703	313.947.955.378
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.493.598.274	2.281.103.271
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.718.422.863	35.141.947.291
314	4. Phải trả người lao động		6.946.593.682	6.405.529.227
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.915.719.004	3.213.865.775
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.959.767.782	1.431.669.796
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.010.512.734.264	953.006.773.130
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.883.265.226	5.254.225.226
330	II. Nợ dài hạn		1.146.088.000	149.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.146.088.000	149.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.609.035.609.985	1.571.157.106.993
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.609.035.609.985	1.571.157.106.993
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.021.106.210.000	929.623.130.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.021.106.210.000	929.623.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		495.879.395.198	548.255.792.749
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		411.021.556.249	207.545.421.504
421b	LNST chưa phân phối năm nay		84.857.838.949	340.710.371.245
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		27.753.037.802	28.981.217.259
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.846.584.245.783	2.891.989.176.087

111
CƠ
CH
NG
A
AN

Đỗ Thị Kim Dung **Đào Thị Kim Loan** **Phạm Thị Hồng**
 Người lập Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng NaiBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	5.953.054.309.225	4.972.694.192.712
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	600.348.499	1.142.631.566
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.952.453.960.726	4.971.551.561.146
11	4. Giá vốn hàng bán	24	5.572.371.039.205	4.372.611.938.603
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		380.082.921.521	598.939.622.543
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	38.017.671.745	8.002.552.143
22	7. Chi phí tài chính	26	100.975.703.623	77.742.895.646
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		92.843.022.353	79.688.538.669
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27	(19.075.416.912)	24.697.665.533
25	9. Chi phí bán hàng	28	64.311.078.529	61.290.192.032
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	118.012.843.582	54.266.606.386
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		115.725.550.620	438.340.146.155
31	12. Thu nhập khác	30	2.483.170.010	3.385.597.701
32	13. Chi phí khác	31	2.909.051.884	5.626.105.418
40	14. Lợi nhuận khác		(425.881.874)	(2.240.507.717)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.299.668.746	436.099.638.438
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	29.730.009.254	89.421.936.565
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		85.569.659.492	346.677.701.873
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		84.857.838.949	340.710.371.245
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		711.820.543	5.967.330.628
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	843	3.385

Đỗ Thị Kim Dung

Người lập

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Đào Thị Kim Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		115.299.668.746	436.099.638.438
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.726.048.694	22.746.990.639
03	- Các khoản dự phòng		127.959.161.558	8.705.680.931
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		143.095.254	(6.980.628)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.132.865.981)	(29.252.541.625)
06	- Chi phí lãi vay		92.843.022.353	79.688.538.669
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		352.838.130.624	517.981.326.424
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(54.159.735.000)	(346.638.367.934)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(116.311.283.771)	(85.317.717.512)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(116.546.390.546)	199.260.655.378
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		117.398.560	407.931.181
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(4.591.066.059)	9.442.935.351
14	- Tiền lãi vay đã trả		(91.982.642.562)	(77.897.870.868)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(58.628.282.452)	(96.341.422.775)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(370.960.000)	(327.687.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(89.634.831.206)	120.569.782.245
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.781.442.821)	(6.551.208.062)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		150.000.000	227.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.540.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.520.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.911.135.879	2.779.246.451
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.259.693.058	(3.544.688.884)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.816.215.208.678	3.840.017.995.797
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.758.709.247.544)	(3.796.671.525.754)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(45.750.224.500)	(85.355.389.582)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.755.736.634	(42.008.919.539)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(71.619.401.514)	75.016.173.822


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN


G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	160.182.246.769	85.175.085.583
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(21.920.774)	(9.012.636)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<u>3</u> <u>88.540.924.481</u>	<u>160.182.246.769</u>


 Đỗ Thị Kim Dung
 Người lập


 Đào Thị Kim Loan
 Kế toán trưởng


 Phạm Thị Hồng
 Tổng Giám đốc



Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**Chủ Tịch HĐQT
NGUYỄN MANH HÀ**